

HƯỚNG DẪN GIẢI

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best arrangement of utterances or sentences to make a meaningful exchange or text in each of the following questions.

Question 1.

Dear Sir or Madam,

- a. It overheats when I play games and it keeps crashing when I do my homework. It also sometimes slows down when I watch movies.
- b. Finally, I spoke to your colleague, Andy. He said he would speak to his manager and call back in ten minutes. That was three hours ago.
- c. On Friday, November 27th, I bought a Link76 laptop from your website and it is not working. The laptop has two main problems.
- d. I called RocketTech's customer hotline and waited 30 minutes to speak to someone.
- e. I would like RocketTech to repair my laptop or provide a new one as soon as possible. I look forward to your reply.

Yours faithfully,

June Evans

(Adapted from I-learn Smart World 10, Unit 3)

A. c - a - d - b - e

B. c - d - b - a - e

C. c - d - a - e - b

D. c - a - d - e - b

1. c. On Friday, November 27th, I bought a Link76 laptop from your website and it is not working.

The laptop has two main problems.

- **Giải thích:** Đây là câu mở đầu của thư khiếu nại, người viết nêu rõ thời gian mua, sản phẩm và tình trạng không hoạt động của laptop, đồng thời dẫn vào phần trình bày các lỗi cụ thể.
- **Dịch:** Vào thứ Sáu, ngày 27 tháng 11, tôi đã mua một chiếc laptop Link76 từ trang web của quý công ty nhưng nó không hoạt động. Chiếc laptop này có hai vấn đề chính.

2. a. It overheats when I play games and it keeps crashing when I do my homework. It also sometimes slows down when I watch movies.

- **Giải thích:** Câu này mô tả chi tiết các lỗi kỹ thuật của laptop thông qua những tình huống cụ thể, giúp làm rõ mức độ nghiêm trọng của sự cố.
- **Dịch:** Máy bị quá nóng khi tôi chơi game và liên tục bị sập khi tôi làm bài tập. Ngoài ra, đôi khi máy còn chạy chậm khi tôi xem phim.

3. d. I called RocketTech's customer hotline and waited 30 minutes to speak to someone.

- **Giải thích:** Câu này cho thấy người viết đã chủ động liên hệ bộ phận chăm sóc khách hàng và nhân

mạnh sự bất tiện khi phải chờ đợi trong thời gian dài.

- **Dịch:** Tôi đã gọi đến đường dây nóng chăm sóc khách hàng của RocketTech và phải chờ 30 phút mới nói chuyện được với ai đó.

4. b. Finally, I spoke to your colleague, Andy. He said he would speak to his manager and call back in ten minutes. That was three hours ago.

- **Giải thích:** Câu này làm rõ trải nghiệm tiêu cực với dịch vụ khách hàng khi nhân viên hứa gọi lại nhưng không thực hiện đúng cam kết.
- **Dịch:** Cuối cùng, tôi đã nói chuyện với một nhân viên của quý công ty tên là Andy. Anh ấy nói sẽ trao đổi với quản lý và gọi lại cho tôi trong vòng mười phút, nhưng điều đó đã xảy ra cách đây ba tiếng rồi.

5. e. I would like RocketTech to repair my laptop or provide a new one as soon as possible. I look forward to your reply.

- **Giải thích:** Đây là câu kết của thư khiếu nại, người viết nêu rõ yêu cầu sửa chữa hoặc đổi máy mới và kết thúc bằng lời lễ lịch sự, trang trọng.
- **Dịch:** Tôi mong RocketTech sẽ sửa chữa chiếc laptop của tôi hoặc cung cấp một máy mới trong thời gian sớm nhất có thể. Tôi mong nhận được phản hồi từ quý công ty.

Question 2.

a. **Lan:** OK, Mum. I'll be home before 10 p.m. then.

b. **Lan's mother:** Certainly. Whose birthday is it?

c. **Lan:** Mum, can I go to my friend's birthday party this Saturday evening?

d. **Lan's mother:** Oh, I'm afraid not. You must come back home before 10 p.m. We're going to visit your grandparents early on Sunday morning.

e. **Lan:** It's Mai's birthday, Mum. Is it OK if I stay the night at her house after the party?

(Adapted from Global Success 11, Unit 2)

A. c - b - a - e - d

B. c - e - a - d - b

C. c - b - e - d - a

D. c - e - d - b - a

1. c. Lan: Mum, can I go to my friend's birthday party this Saturday evening?

- **Giải thích:** Đây là câu mở đầu tự nhiên của cuộc hội thoại, Lan xin phép mẹ được đi dự tiệc sinh nhật vào tối thứ Bảy.
- **Dịch:** Mẹ ơi, con có thể đi dự tiệc sinh nhật của bạn con vào tối thứ Bảy này không ạ?

2. b. Lan's mother: Certainly. Whose birthday is it?

- **Giải thích:** Mẹ phản hồi lời xin phép và hỏi thêm thông tin để làm rõ, cuộc hội thoại tiếp diễn hợp lý.
- **Dịch:** Được chứ. Sinh nhật của ai vậy con?

3. e. Lan: It's Mai's birthday, Mum. Is it OK if I stay the night at her house after the party?

- **Giải thích:** Lan trả lời câu hỏi của mẹ và đưa ra yêu cầu tiếp theo là được ở lại nhà bạn sau bữa tiệc.
- **Dịch:** Là sinh nhật của bạn Mai à, mẹ. Con ở lại nhà bạn ấy qua đêm sau bữa tiệc có được không?

4. d. Lan's mother: Oh, I'm afraid not. You must come back home before 10 p.m. We're going to visit your grandparents early on Sunday morning.

- **Giải thích:** Mẹ từ chối yêu cầu của Lan và đưa ra lý do cụ thể, đồng thời đặt ra điều kiện về giờ giấc.
- **Dịch:** Ôi, mẹ e là không được rồi. Con phải về nhà trước 10 giờ tối. Sáng sớm Chủ nhật chúng ta sẽ đi thăm ông bà.

5. a. Lan: OK, Mum. I'll be home before 10 p.m. then.

- **Giải thích:** Đây là câu kết, Lan chấp nhận điều kiện của mẹ và kết thúc cuộc hội thoại một cách tự nhiên.
- **Dịch:** Vâng ạ, mẹ. Vậy con sẽ về nhà trước 10 giờ tối.

Question 3.

Dear Mr. Hoa An,

- I am writing to express my interest in the position of teaching assistant at Better-You Language Centre.
- I took my IELTS test three months ago and got an overall score of 8.0.
- I am currently in grade 12 at Le Hong Phong High School for the Gifted and I am looking for a part-time job.
- I also have previous experience of working as a volunteer at SOS Children's Village in Ho Chi Minh City.
- I would be grateful for the opportunity to discuss the position further.

Yours sincerely,

(Adapted from Friends Global 12)

A. a-c-e-d-b

B. a-c-b-d-e

C. a-c-d-b-e

D. a-c-e-b-d

1. a. I am writing to express my interest in the position of teaching assistant at Better-You Language Centre.

- **Giải thích:** Đây là câu mở đầu chuẩn của thư xin việc, người viết nêu rõ mục đích viết thư và vị trí ứng tuyển.
- **Dịch:** Tôi viết thư này để bày tỏ sự quan tâm của mình đối với vị trí trợ giảng tại Trung tâm Ngoại ngữ Better-You.

2. c. I am currently in grade 12 at Le Hong Phong High School for the Gifted and I am looking for a part-time job.

- **Giải thích:** Câu này cung cấp thông tin cá nhân và hoàn cảnh hiện tại của người viết, rất phù hợp để đặt ngay sau câu mở đầu.

- **Dịch:** Hiện tại tôi đang học lớp 12 tại Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong và tôi đang tìm kiếm một công việc bán thời gian.

3. b. I took my IELTS test three months ago and got an overall score of 8.0.

- **Giải thích:** Câu này nêu trình độ tiếng Anh của ứng viên, là thông tin quan trọng và hợp lý để trình bày trước phần kinh nghiệm.
- **Dịch:** Tôi đã tham gia kỳ thi IELTS cách đây ba tháng và đạt tổng điểm 8.0.

4. d. I also have previous experience of working as a volunteer at SOS Children's Village in Ho Chi Minh City.

- **Giải thích:** Câu này bổ sung kinh nghiệm làm việc, giúp hồ sơ ứng tuyển trở nên thuyết phục hơn.
- **Dịch:** Tôi cũng có kinh nghiệm làm việc trước đây với vai trò tình nguyện viên tại Làng Trẻ em SOS ở Thành phố Hồ Chí Minh.

5. e. I would be grateful for the opportunity to discuss the position further.

- **Giải thích:** Đây là câu kết thư lịch sự, thể hiện mong muốn được trao đổi thêm và hoàn tất thư xin việc đúng chuẩn.
- **Dịch:** Tôi sẽ rất biết ơn nếu có cơ hội được trao đổi thêm về vị trí này.

Question 4.

a. **Sam:** I was thinking about the exam next week. I'm a bit nervous about it, to be honest.

b. **Ann:** Oh, hi, Sam! How are you?

c. **Ann:** So am I. But you? I'm surprised at that. I thought you studied a lot.

A. c-b-a

B. b-a-c

C. b-c-a

D. a-b-c

1. b. Ann: Oh, hi, Sam! How are you?

- **Giải thích:** Đây là câu mở đầu tự nhiên của cuộc hội thoại, Ann chào Sam và hỏi thăm tình hình của anh ấy.
- **Dịch:** Ô, chào Sam! Dạo này bạn thế nào?

2. a. Sam: I was thinking about the exam next week. I'm a bit nervous about it, to be honest.

- **Giải thích:** Sam trả lời câu hỏi của Ann bằng cách chia sẻ cảm xúc hiện tại của mình, nêu rõ lý do khiến anh ấy lo lắng.
- **Dịch:** Mình đang nghĩ về kỳ thi vào tuần tới. Thú thật là mình hơi lo lắng.

3. c. Ann: So am I. But you? I'm surprised at that. I thought you studied a lot.

- **Giải thích:** Ann phản hồi cảm xúc của Sam, bày tỏ sự đồng cảm nhưng cũng thể hiện sự ngạc nhiên, giúp cuộc hội thoại kết thúc tự nhiên.
- **Dịch:** Mình cũng vậy. Nhưng còn bạn thì sao? Mình khá ngạc nhiên đấy, mình cứ nghĩ bạn học rất chăm.

Question 5.

- a. Secondly, there need to be more police in the area preventing people from cutting down trees. A lot of the people who cut them down do it illegally. If they were more afraid of getting caught, they might stop.
- b. First of all, we have to make the local people aware of the damage they're doing.
- c. Every day, thousands and thousands of trees are cut down in the Amazonian rainforest.
- d. It's a very serious problem, and there's no easy solution, but we're short of time. It won't be long before the rainforests disappear completely.
- e. This does enormous damage to the local environment, and also possibly affects the world's climate. But how can we save the rainforests from destruction?

A. c-e-d-b-a

B. c-e-b-a-d

C. a-b-c-e-d

D. d-e-b-a-c

1. c. Every day, thousands and thousands of trees are cut down in the Amazonian rainforest.

- **Giải thích:** Đây là câu mở đầu của đoạn văn, nêu thực trạng nghiêm trọng đang xảy ra với rừng Amazon và giới thiệu chủ đề chính.
- **Dịch:** Mỗi ngày, hàng ngàn, hàng ngàn cây xanh bị chặt hạ trong rừng mưa Amazon.

2. e. This does enormous damage to the local environment, and also possibly affects the world's climate. But how can we save the rainforests from destruction?

- **Giải thích:** Câu này phân tích hậu quả của việc chặt phá rừng và đặt ra câu hỏi dẫn dắt sang phần giải pháp.
- **Dịch:** Điều này gây ra thiệt hại to lớn cho môi trường địa phương và cũng có thể ảnh hưởng đến khí hậu toàn cầu. Nhưng làm thế nào chúng ta có thể cứu các khu rừng mưa khỏi sự tàn phá?

3. b. First of all, we have to make the local people aware of the damage they're doing.

- **Giải thích:** Đây là giải pháp đầu tiên được đưa ra, phù hợp để theo sau câu hỏi về cách bảo vệ rừng.
- **Dịch:** Trước hết, chúng ta phải khiến người dân địa phương nhận thức được những thiệt hại mà họ đang gây ra.

4. a. Secondly, there need to be more police in the area preventing people from cutting down trees. A lot of the people who cut them down do it illegally. If they were more afraid of getting caught, they might stop.

- **Giải thích:** Câu này tiếp nối giải pháp trước bằng cách đưa ra biện pháp thứ hai, tập trung vào việc tăng cường thực thi pháp luật.
- **Dịch:** Thứ hai, cần có nhiều cảnh sát hơn trong khu vực để ngăn chặn việc chặt phá cây rừng. Nhiều người chặt cây làm điều đó trái phép. Nếu họ sợ bị bắt hơn, họ có thể sẽ dừng lại.

5. d. It's a very serious problem, and there's no easy solution, but we're short of time. It won't be long before the rainforests disappear completely.

- **Giải thích:** Đây là câu kết đoạn, nhấn mạnh mức độ nghiêm trọng và tính cấp bách của vấn đề, tạo cảm giác cảnh báo mạnh mẽ.
- **Dịch:** Đây là một vấn đề vô cùng nghiêm trọng và không có giải pháp dễ dàng, nhưng chúng ta không còn nhiều thời gian. Chẳng bao lâu nữa, các khu rừng mưa sẽ biến mất hoàn toàn.

Read the following leaflet and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 6 to 11.

Smart Ways to Save Money – Start Small, Think Big!

Many people think that saving money is difficult, but with a few small habits, you can (6) _____ simple tasks that make a big difference.

Start by tracking your daily spending. You might be shocked to see (7) _____ of money you spend on utilities each month.

Cutting out small, unnecessary (8) _____ each day can lead to significant savings over time.

Another tip is to use budgeting apps or tools to help manage your finances. These can provide helpful (9) _____ into your spending habits and show you where to cut back.

Finally, many buyers tend to ignore price comparisons before making a big purchase. (10) _____, taking the time to compare prices carefully can help you find a better deal and save (11) _____ money in the long run.

Question 6. **A. carry out** B. bring over C. cut down D. put up

Giải thích:

- **A. carry out - ĐÚNG:** "Carry out tasks" là cụm từ cố định (collocation) mang nghĩa "thực hiện các nhiệm vụ".
- **B. bring over - SAI:** Nghĩa là "mang cái gì đó sang nơi khác", không hợp ngữ cảnh.
- **C. cut down - SAI:** Nghĩa là "cắt giảm" hoặc "chặt cây", không đi với "tasks".
- **D. put up - SAI:** Nghĩa là "dựng lên" hoặc "chịu đựng", không phù hợp.

Question 7. A. a wide range of **B. a great deal of**
C. a large number of D. a high level of

Giải thích:

- **A. a wide range of - SAI:** Thường dùng cho sự đa dạng chủng loại, không dùng để chỉ số lượng tiền.
- **B. a great deal of - ĐÚNG:** "Money" là danh từ không đếm được, nên dùng "a great deal of" để chỉ số lượng lớn.
- **C. a large number of - SAI:** Chỉ dùng cho danh từ đếm được số nhiều.
- **D. a high level of - SAI:** Dùng cho mức độ (trừu tượng), ít dùng cho tiền bạc trong ngữ cảnh này.

Question 8. **A. expenses** B. outlays C. revenues D. payments

Giải thích:

- **A. expenses** - **ĐÚNG**: Nghĩa là "các khoản chi tiêu/chi phí", phù hợp với ngữ cảnh cắt giảm chi tiêu hàng ngày.
- **B. outlays** - **SAI**: Mang nghĩa "kinh phí/vốn đầu tư ban đầu" (trang trọng/kinh tế), không hợp với chi tiêu vặt hàng ngày.
- **C. revenues** - **SAI**: Nghĩa là "doanh thu", trái ngược với chi tiêu.
- **D. payments** - **SAI**: Nghĩa là "sự thanh toán", không bao quát bằng "expenses" trong ngữ cảnh quản lý tài chính cá nhân.

Question 9. **A. insights** B. meanings C. advances D. instructions

Giải thích:

- **A. insights** - **ĐÚNG**: "Provide insights into" là cụm từ hay, nghĩa là "cung cấp cái nhìn sâu sắc/sự thấu hiểu" về thói quen chi tiêu.
- **B. meanings** - **SAI**: Nghĩa là "ý nghĩa", không hợp ngữ cảnh.
- **C. advances** - **SAI**: Nghĩa là "sự tiến bộ", không phù hợp.
- **D. instructions** - **SAI**: Nghĩa là "hướng dẫn", công cụ phân tích cung cấp dữ liệu (insight) chứ không chỉ là hướng dẫn.

Question 10. A. Consequently B. Otherwise **C. However** D. Therefore

Giải thích:

- **A. Consequently** - **SAI**: Nghĩa là "Hậu quả là", không phù hợp quan hệ từ.
- **B. Otherwise** - **SAI**: Nghĩa là "Nếu không thì".
- **C. However** - **ĐÚNG**: Dùng để chỉ sự tương phản. Câu trước nói người mua thường bỏ qua việc so sánh giá, câu sau nói việc so sánh giá giúp tiết kiệm $\rightarrow$ Tương phản.
- **D. Therefore** - **SAI**: Nghĩa là "Vì vậy".

Question 11. A. few **B. some** C. many D. any

Giải thích:

- **A. few** - **SAI**: Dùng cho danh từ đếm được (money là không đếm được).
- **B. some** - **ĐÚNG**: Dùng được cho danh từ không đếm được trong câu khẳng định, mang nghĩa "một khoản tiền (đáng kể/nào đó)".
- **C. many** - **SAI**: Dùng cho danh từ đếm được.

- **D. any - SAI:** Thường dùng trong câu phủ định hoặc nghi vấn.

Những cách thông minh để tiết kiệm tiền – Bắt đầu từ những điều nhỏ, nghĩ đến mục tiêu lớn!

Nhiều người nghĩ rằng việc tiết kiệm tiền là khó khăn, nhưng chỉ với một vài thói quen nhỏ, bạn có thể **thực hiện** những công việc đơn giản mà tạo ra sự khác biệt lớn.

Hãy bắt đầu bằng việc theo dõi chi tiêu hàng ngày. Bạn có thể sẽ ngạc nhiên khi thấy **một khoản tiền lớn** mà mình chỉ cho các hóa đơn tiện ích mỗi tháng.

Việc cắt bỏ những **khoản chi tiêu** nhỏ không cần thiết mỗi ngày có thể dẫn đến số tiền tiết kiệm đáng kể theo thời gian.

Một mẹo khác là sử dụng các ứng dụng hoặc công cụ lập ngân sách để quản lý tài chính. Những công cụ này có thể cung cấp **những hiểu biết sâu sắc** về thói quen chi tiêu của bạn và chỉ ra những điểm cần cắt giảm.

Cuối cùng, nhiều người mua thường bỏ qua việc so sánh giá trước khi đưa ra quyết định mua sắm lớn. **Tuy nhiên**, việc dành thời gian so sánh giá cẩn thận có thể giúp bạn tìm được mức giá tốt hơn và tiết kiệm **một khoản tiền** về lâu dài.

Read the following advertisement and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of numbered blanks from 12 to 17.

Do you enjoy cooking? Would you like to turn your passion into a profession? At KitchenCraft Academy, we offer a wide range of courses to help you become a (12) _____ chef - from basic knife skills to advanced international cuisine.

Our tutors, (13) _____ in Michelin-starred restaurants, will guide you every step of the way. You'll also (14) _____ real progress in the kitchen and take part in workshops designed to inspire creativity and boost confidence.

The academy is located in the heart of the city, close (15) _____ public transport and local markets - the perfect place (16) _____ fresh ingredients and local flavors.

At KitchenCraft, we believe in hands-on learning and (17) _____ to help your culinary career truly take off!

Question 12. A. succeed **B. successful** C. successive D. successfully

Giải thích:

- **A. succeed - SAI:** Là động từ. Vị trí này cần tính từ bổ nghĩa cho danh từ "chef".
- **B. successful - ĐÚNG:** Tính từ nghĩa là "thành công". Cụm "successful chef" (đầu bếp thành công).
- **C. successive - SAI:** Tính từ nghĩa là "liên tiếp", sai nghĩa.
- **D. successfully - SAI:** Là trạng từ.

Question 13. A. work

B. working

C. worked

D. to work

Giải thích:

- A. work - SAI: "Our tutors" là chủ ngữ, nếu dùng "work" thì câu sẽ có 2 động từ chính (work và will guide) mà không có từ nối.
- B. working - ĐÚNG: Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng chủ động (Our tutors, who are working/who work... $\rightarrow$ working). Diễn tả trạng thái hoặc kinh nghiệm làm việc của giảng viên.
- C. worked - SAI: Rút gọn mệnh đề quan hệ dạng bị động hoặc quá khứ đơn (không phù hợp ngữ pháp trong cấu trúc này).
- D. to work - SAI: Chỉ mục đích hoặc tương lai, không dùng để mô tả đặc điểm giảng viên ở đây.

Question 14. A. do

B. take

C. make

D. put

Giải thích:

- A, B, D - SAI: Không đi cùng "progress".
- C. make - ĐÚNG: Cụm cố định "make progress" nghĩa là "tiến bộ".

Question 15. **A. to**

B. in

C. of

D. with

Giải thích:

- A. to - ĐÚNG: Cấu trúc "close to" nghĩa là "gần với".
- B, C, D - SAI: Giới từ không đi với "close" trong ngữ cảnh chỉ vị trí địa lý này.

Question 16. A. to exploring **B. to explore**

C. exploring

D. explore

Giải thích:

- A, C, D - SAI: Sai cấu trúc ngữ pháp chỉ mục đích bỏ nghĩa cho danh từ "place".
- B. to explore - ĐÚNG: Cấu trúc "noun + to V" (the perfect place to explore) $\rightarrow$ nơi hoàn hảo để khám phá.

Question 17. A. kitchen practical skills

B. practical kitchen skills

C. practical skills kitchen

D. kitchen skills practical

Giải thích:

- A, C, D - SAI: Trật tự từ sai.
- B. practical kitchen skills - ĐÚNG: Trật tự: Tính từ (Practical) + Cụm danh từ (Kitchen skills) $\rightarrow$ Kỹ năng nhà bếp mang tính thực tiễn.

Bạn có yêu thích nấu ăn không? Bạn có muốn biến niềm đam mê của mình thành một nghề nghiệp không?

Tại KitchenCraft Academy, chúng tôi cung cấp nhiều khóa học đa dạng nhằm giúp bạn trở thành một **đầu bếp thành công** – từ những kỹ năng dùng dao cơ bản đến ẩm thực quốc tế nâng cao.

Đội ngũ giảng viên của chúng tôi, **từng làm việc** tại các nhà hàng đạt sao Michelin, sẽ đồng hành và hướng dẫn bạn trong suốt quá trình học. Bạn cũng sẽ **đạt được** những tiến bộ thực sự trong gian bếp và tham gia các buổi hội thảo được thiết kế nhằm khơi gợi sự sáng tạo và nâng cao sự tự tin.

Học viện tọa lạc ngay trung tâm thành phố, **gần với** các phương tiện giao thông công cộng và chợ địa phương – là nơi lý tưởng **để khám phá** những nguyên liệu tươi ngon và hương vị bản địa.

Tại KitchenCraft, chúng tôi tin vào phương pháp học thông qua thực hành và **các kỹ năng nhà bếp mang tính thực tiễn** để giúp sự nghiệp ẩm thực của bạn thực sự cất cánh!

Read the following passage about friendships and mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the questions.

[I] This technology overlays virtual objects and information onto real-world environments, creating interactive experiences that were once unimaginable. [II] AR is making waves in education, gaming, and even social interactions, promising a future where technology feels more integrated into our daily lives. [III] Very soon, AR could revolutionize every aspect of how we interact, with information and entertainment, making the virtual world seem as real as the one around us. [IV]

In education, AR is proving to be a powerful tool for engagement and understanding. Students can now explore a 3D model of the solar system in their classrooms or dissect a virtual frog without harming a real one. These experiences bring lessons to life, making complex topics easier to grasp. AR also fosters creativity, encouraging students to think outside the box and engage with their studies in new ways. With AR, learning is no longer confined to textbooks and lectures. It allows students to start strong and immediately apply what they learn, helping them dive into real-world scenarios with ease.

The entertainment industry is another area which AR has a significant impact on. Games like Pokémon Go have shown how AR can create immersive, real-world experiences that capture the imagination of millions. In the future, AR could revolutionize how we watch movies, attend concerts, or even try on clothes while shopping online. Imagine sitting in your living room and having a holographic performance appear right before your eyes. AR can also break the mold, introducing groundbreaking ways to entertain audiences and keep them engaged like never before. The possibilities are endless.

AR is truly a golden opportunity to reshape our interaction with the world. However, like any new technology, it comes with challenges. Developers and educators must ensure that AR is accessible, user-friendly, and free from misuse. With thoughtful innovation, AR has the potential to become a game-changer in both education and entertainment, bridging the gap between imagination and reality.

[I] Công nghệ này chồng ghép các vật thể và thông tin ảo lên môi trường thực, tạo nên những trải nghiệm tương tác mà trước đây con người khó có thể hình dung. [II] Thực tế tăng cường (AR) đang tạo nên làn sóng mạnh mẽ trong giáo dục, trò chơi điện tử và thậm chí cả các mối quan hệ xã hội, hứa hẹn một tương lai nơi công nghệ hòa nhập tự nhiên hơn vào đời sống hằng ngày của chúng ta. [III] Trong tương lai rất gần, AR có thể làm thay đổi toàn diện cách con người tương tác với thông tin và giải trí, khiến thế giới ảo trở nên chân thực chẳng kém gì thế giới xung quanh ta. [IV]

Trong lĩnh vực giáo dục, AR đang chứng tỏ là một công cụ mạnh mẽ giúp tăng mức độ hứng thú và khả năng tiếp thu. Giờ đây, học sinh có thể khám phá mô hình 3D của hệ Mặt Trời ngay trong lớp học hoặc tiến hành giải phẫu một con ếch ảo mà không gây tổn hại đến sinh vật thật. Những trải nghiệm này thổi hồn vào bài học, giúp các khái niệm phức tạp trở nên dễ hiểu hơn. AR cũng khơi gợi khả năng sáng tạo, khuyến khích học sinh tư duy vượt khuôn mẫu và tiếp cận việc học theo những cách hoàn toàn mới. Với AR, việc học không còn bị giới hạn trong sách giáo khoa hay các bài giảng truyền thống. Công nghệ này cho phép người học khởi đầu vững chắc và nhanh chóng áp dụng kiến thức vào thực tế, giúp họ dễ dàng hòa mình vào các tình huống đời sống.

Ngành công nghiệp giải trí là một lĩnh vực khác mà AR tạo ra tác động đáng kể. Những trò chơi như Pokémon Go đã cho thấy AR có thể mang đến các trải nghiệm sống động gắn liền với thế giới thực, thu hút trí tưởng tượng của hàng triệu người. Trong tương lai, AR có thể làm thay đổi cách chúng ta xem phim, tham dự các buổi hòa nhạc hay thậm chí thử quần áo khi mua sắm trực tuyến. Hãy tưởng tượng bạn đang ngồi trong phòng khách và một màn trình diễn ba chiều hiện ra ngay trước mắt. AR còn có khả năng phá vỡ lối mòn, mở ra những phương thức giải trí đột phá, cuốn hút khán giả theo cách chưa từng có. Tiềm năng của AR gần như là vô hạn.

AR thực sự là một cơ hội vàng để tái định hình cách chúng ta tương tác với thế giới. Tuy nhiên, cũng như mọi công nghệ mới, AR đi kèm với không ít thách thức. Các nhà phát triển và nhà giáo dục cần đảm bảo rằng AR dễ tiếp cận, thân thiện với người dùng và không bị lạm dụng. Với sự đổi mới có trách nhiệm và thấu đáo, AR hoàn toàn có thể trở thành một bước ngoặt lớn trong cả giáo dục lẫn giải trí, thu hẹp khoảng cách giữa trí tưởng tượng và thực tại.

Question 18. Where in paragraph 1 does the following sentence best fit?

Augmented reality (AR) is transforming the way we learn, work, and play by blending digital content with the physical world.

A. [II]

B. [IV]

C. [I]

D. [III]

(Câu sau đây phù hợp nhất để chèn vào vị trí nào trong đoạn 1?)

Thực tế tăng cường (AR) đang làm thay đổi cách chúng ta học tập, làm việc và giải trí bằng cách kết hợp nội dung số với thế giới vật lý.

A. [II]

B. [IV]

C. [I]

D. [III]

Giải thích:

- A, B, D - SAI: Đặt câu định nghĩa vào giữa hoặc cuối đoạn sẽ làm mất logic.
- C. [I] - ĐÚNG: Câu cần điền là câu định nghĩa AR. Nó phải đứng đầu đoạn để giới thiệu chủ đề. Câu tiếp theo bắt đầu bằng "This technology..." (Công nghệ này...) tham chiếu trực tiếp lại AR vừa được nhắc đến ở câu [I].

Question 19. Which of the following could best replace the phrase "break the mold" in paragraph 3?

A. maintain

B. copy

C. innovate

D. conserve

(Cụm từ "break the mold" trong đoạn 3 có thể được thay thế phù hợp nhất bằng từ/cụm từ nào sau đây?)

A. duy trì

B. sao chép

C. đổi mới, sáng tạo đột phá

D. bảo tồn

Giải thích:

- A. maintain - SAI: Nghĩa là "duy trì".
- B. copy - SAI: Nghĩa là "sao chép".
- C. innovate - ĐÚNG: "Break the mold" (phá vỡ khuôn mẫu) đồng nghĩa với "innovate" (đổi mới, cách tân).
- D. conserve - SAI: Nghĩa là "bảo tồn".

Question 20. The word "It" in paragraph 2 refers to _____.

A. trading application

B. AR technology

C. classroom learning

D. student creativity

(Từ "It" trong đoạn 2 ám chỉ đối tượng nào?)

A. ứng dụng thương mại

B. công nghệ AR

C. việc học trong lớp học

D. sự sáng tạo của học sinh

Giải thích:

- A, C, D - SAI: Sai đối tượng tham chiếu.
- B. AR technology - ĐÚNG: Câu trước nhắc đến "With AR...", câu sau "It allows..." $\rightarrow$ "It" thay thế cho AR.

Question 21. According to paragraph 2, which of the following is NOT mentioned as a benefit of AR in education?

A. Increasing students' academic stability

B. Encouraging creativity and critical thinking

C. Offering engaging learning experiences

D. Allowing students to explore complex ideas

(Theo đoạn 2, ý nào sau đây KHÔNG được đề cập như một lợi ích của AR trong giáo dục?)

A. Tăng sự ổn định trong kết quả học tập của học sinh

- B. Khuyến khích sự sáng tạo và tư duy phản biện
- C. Mang lại những trải nghiệm học tập hấp dẫn
- D. Cho phép học sinh khám phá các ý tưởng phức tạp)

Giải thích:

- **A. Increasing students' academic stability - ĐÚNG:** Bài đọc không đề cập đến việc tăng sự "ổn định" (stability) trong kết quả học tập. Đây là thông tin không có trong bài.
- **B, C, D - SAI:** Đều được đề cập trong đoạn 2 (fosters creativity, engaging experiences, explore complex ideas).

Question 22. The word "fosters" in paragraph 2 is **OPPOSITE** in meaning to _____.

- A. improves **B. restricts** C. supports D. enhances

(Từ "fosters" trong đoạn 2 có nghĩa trái ngược với từ nào sau đây?)

- A. cải thiện B. hạn chế C. hỗ trợ D. tăng cường)

Giải thích:

- **A. improves - SAI:** Gần nghĩa với fosters.
- **B. restricts - ĐÚNG:** "Fosters" nghĩa là "thúc đẩy/nuôi dưỡng". Trái nghĩa là "restricts" (hạn chế/kìm hãm).
- **C. supports - SAI:** Đồng nghĩa.
- **D. enhances - SAI:** Đồng nghĩa.

Question 23. Which of the following best summarises paragraph 3?

- A. The entertainment industry has nearly reached its peak due to Augmented Reality technologies.
- B. Augmented Reality is primarily beneficial for enhancing online shopping rather than entertainment.
- C. Augmented Reality is transforming entertainment by offering innovative and immersive experiences.**
- D. The entertainment industry uses Augmented Reality mainly to gradually replace traditional forms of gaming

(Phương án nào sau đây tóm tắt đúng nhất nội dung đoạn 3?)

- A. Ngành giải trí đã gần đạt đến đỉnh cao nhờ các công nghệ thực tế tăng cường.
- B. Thực tế tăng cường chủ yếu mang lại lợi ích cho mua sắm trực tuyến hơn là giải trí.
- C. Thực tế tăng cường đang làm thay đổi ngành giải trí bằng cách mang đến những trải nghiệm sáng tạo và sống động.
- D. Ngành giải trí sử dụng thực tế tăng cường chủ yếu để dần thay thế các hình thức trò chơi truyền

thông.)

Giải thích:

- **A, B, D - SAI:** Các đáp án này hoặc sai thông tin (đã đạt đỉnh, thay thế game truyền thống) hoặc quá hẹp (chỉ mua sắm).
- **C. Augmented Reality is transforming entertainment... - ĐÚNG:** Tóm tắt chính xác ý đoạn 3: AR thay đổi ngành giải trí bằng trải nghiệm sáng tạo và sống động (immersive).

Question 24. According to paragraph 4, which of the following is **TRUE** about AR?

A. Developers need to make AR accessible and user-friendly.

B. AR's potential to revolutionize society outweighs its challenges.

C. AR requires no further innovation to become a game-changer.

D. It is ensured that AR technology remains free from misuse.

(Theo đoạn 4, nhận định nào sau đây là **ĐÚNG** về AR?

- A. Các nhà phát triển cần làm cho AR dễ tiếp cận và thân thiện với người dùng.
- B. Tiềm năng cách mạng hóa xã hội của AR lớn hơn mọi thách thức mà nó đặt ra.
- C. AR không cần thêm bất kỳ đổi mới nào để trở thành một bước ngoặt lớn.
- D. Công nghệ AR được đảm bảo hoàn toàn không bị lạm dụng.)

Giải thích:

- **A. Developers need to make AR accessible and user-friendly - ĐÚNG:** Thông tin nằm ở câu: "Developers... must ensure that AR is accessible, user-friendly...".
- **B, C, D - SAI:** B (lớn hơn thách thức - không nói rõ mức độ so sánh), C (không cần đổi mới - sai, bài nói cần "thoughtful innovation"), D (được đảm bảo không bị lạm dụng - sai, bài nói "must ensure" là nhiệm vụ cần làm, chưa phải thực tế đã xong).

Question 25. Which of the following best paraphrases the underlined sentence in paragraph 4?

- A. AR is a minor chance to slightly alter how we interact with the world, offering limited benefits.
- B. By using AR, people can explore limitless opportunities to interact with their surroundings.
- C. AR has the potential to replace traditional ways of interacting with the environment.
- D. Reshaping how people perceive the world can be achieved by adopting AR technology.**

(Phương án nào sau đây diễn đạt lại đúng nhất câu được gạch chân trong đoạn 4?

- A. AR chỉ là một cơ hội nhỏ, chỉ làm thay đổi nhẹ cách con người tương tác với thế giới và mang lại lợi ích hạn chế.
- B. Nhờ AR, con người có thể khám phá vô số cơ hội để tương tác với môi trường xung quanh.
- C. AR có tiềm năng thay thế hoàn toàn các cách tương tác truyền thống với môi trường.

D. Việc thay đổi cách con người nhìn nhận thế giới có thể đạt được thông qua việc áp dụng công nghệ AR.)

Giải thích:

- A, B, C - SAI: A (cơ hội nhỏ - sai nghĩa "golden"), B (vô hạn - phóng đại), C (thay thế hoàn toàn - sai từ "replace").
- D. Reshaping how people perceive the world can be achieved... - ĐÚNG: "Reshape our interaction" tương đương "Reshaping how people perceive". "Golden opportunity" tương đương "can be achieved" (tiềm năng).

Question 26. Which of the following can be inferred from the passage?

A. AR technology presents new opportunities for interactive learning and real-world applications.

B. AR experiences are likely to replace traditional methods of education and entertainment soon.

C. AR will likely dominate both education and entertainment industries in the near future.

D. Gaming applications might be the main driving force behind the development of AR technology.

(Từ bài đọc, có thể suy ra điều nào sau đây?)

A. Công nghệ AR mở ra những cơ hội mới cho việc học tập tương tác và ứng dụng trong đời sống thực.

B. Các trải nghiệm AR nhiều khả năng sẽ sớm thay thế các phương pháp giáo dục và giải trí truyền thống.

C. AR sẽ sớm thống lĩnh cả ngành giáo dục lẫn giải trí trong tương lai gần.

D. Các ứng dụng trò chơi có thể là động lực chính thúc đẩy sự phát triển của công nghệ AR.)

Giải thích:

- A. AR technology presents new opportunities... - ĐÚNG: Suy luận hợp lý từ các lợi ích trong giáo dục và đời sống được liệt kê.
- B, C, D - SAI: Dùng các từ ngữ quá mạnh hoặc không có căn cứ như "replace" (thay thế), "dominate" (thống trị), "main driving force" (động lực chính).

Question 27. Which of the following best summarises the passage?

A. AR overlays virtual objects onto real environments, transforming education, gaming, and entertainment, enhancing engagement, creativity, and real-world application despite challenges in accessibility and misuse.

B. AR significantly impacts entertainment, with games like Pokémon Go creating immersive experiences, and future applications like holographic performances and virtual shopping,

revolutionizing how we consume media and shop.

C. In education, AR enhances engagement and understanding, allowing students to explore 3D models and virtual dissections, fostering creativity and real-world application, making learning more interactive and effective.

D. AR technology is reshaping how we view the world, but its applications are still limited to gaming, entertainment, niche industries, and certain professions, indicating room for broader adoption.

(Phương án nào sau đây tóm tắt toàn bộ bài đọc một cách phù hợp nhất?)

A. AR chồng ghép các vật thể ảo lên môi trường thực, làm thay đổi giáo dục, trò chơi và giải trí, tăng cường sự hứng thú, sáng tạo và khả năng ứng dụng thực tế, dù vẫn tồn tại những thách thức về khả năng tiếp cận và nguy cơ lạm dụng.

B. AR tác động mạnh mẽ đến ngành giải trí, với các trò chơi như Pokémon Go tạo ra trải nghiệm sống động, cùng các ứng dụng tương lai như trình diễn ba chiều và mua sắm ảo, làm thay đổi cách con người tiêu thụ nội dung và mua sắm.

C. Trong giáo dục, AR nâng cao mức độ hứng thú và khả năng hiểu bài, cho phép học sinh khám phá mô hình 3D và giải phẫu ảo, khơi gợi sáng tạo và khả năng áp dụng thực tế, giúp việc học trở nên hiệu quả hơn.

D. Công nghệ AR đang làm thay đổi cách con người nhìn nhận thế giới, nhưng hiện vẫn chỉ giới hạn trong trò chơi, giải trí, một số ngành nghề và lĩnh vực chuyên biệt, cho thấy còn nhiều dư địa để mở rộng ứng dụng.)

Giải thích:

- A. AR overlays virtual objects onto real environments... - **ĐÚNG**: Tóm tắt đầy đủ các ý chính: Định nghĩa AR + Ứng dụng (Giáo dục, Game, Giải trí) + Lợi ích + Thách thức.
- B, C, D - **SAI**: Thiếu ý (chỉ nói về giải trí hoặc giáo dục) hoặc sai lệch nội dung (cho rằng AR còn hạn chế/tiêu cực).

Read the following passage about the iPhone 17 and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct answer to each of the questions.

Apple's iPhone 17 has quickly attracted worldwide attention. At first glance, its design may look familiar, but the phone is slimmer, lighter, and built with more recycled materials. Apple presents this as evidence of its commitment to sustainability, showing how the company responds to consumer concerns about the environment.

The new device also introduces stronger artificial intelligence features. These include instant translation, smarter photo organization, and predictive text that adapts to each user's style. Apple stresses

that most processing is done on the phone itself to protect privacy. Supporters welcome these tools as practical and time-saving, while critics question how much control users truly have over their data.

Battery performance has seen a clear improvement. Thanks to a redesigned cooling system, the iPhone 17 operates more efficiently and lasts nearly 20 percent longer than the iPhone 16. Reviewers, especially gamers and professionals, praise this change because it reduces overheating and extends daily use. Combined with faster wireless charging, the upgrade shows Apple's attempt to answer long-standing customer complaints.

Security has also advanced with a dual biometric system combining facial recognition and voice authentication. Apple describes this as a stronger barrier against identity theft. Some users worry it may be difficult to set up or fail in noisy places. Even with such doubts, initial sales have been strong in more than 40 countries, particularly in Asia. This suggests that Apple's effort to combine innovation, sustainability, and safety is gaining wide acceptance in the global market.

(Adapted from The Verge 2025)

Chiếc iPhone 17 của Apple nhanh chóng thu hút sự chú ý trên toàn thế giới. Thoạt nhìn, thiết kế của máy có thể gợi cảm giác quen thuộc, nhưng thực tế thiết bị mỏng hơn, nhẹ hơn và được chế tạo từ nhiều vật liệu tái chế hơn. Apple xem đây là minh chứng cho cam kết phát triển bền vững của mình, đồng thời cho thấy cách hãng phản hồi trước những mối quan tâm ngày càng lớn của người tiêu dùng về vấn đề môi trường.

Thiết bị mới cũng được trang bị các tính năng trí tuệ nhân tạo mạnh mẽ hơn. Những cải tiến này bao gồm khả năng dịch thuật tức thì, sắp xếp ảnh thông minh hơn và tính năng gợi ý văn bản có thể thích ứng với phong cách của từng người dùng. Apple nhấn mạnh rằng phần lớn quá trình xử lý diễn ra trực tiếp trên thiết bị nhằm bảo vệ quyền riêng tư. Những người ủng hộ đánh giá cao các công cụ này vì tính tiện lợi và khả năng tiết kiệm thời gian, trong khi các ý kiến hoài nghi lại đặt câu hỏi về mức độ kiểm soát thực sự của người dùng đối với dữ liệu cá nhân của mình.

Hiệu suất pin cũng được cải thiện rõ rệt. Nhờ hệ thống tản nhiệt được thiết kế lại, iPhone 17 hoạt động hiệu quả hơn và thời lượng pin kéo dài gần 20% so với iPhone 16. Các nhà đánh giá, đặc biệt là game thủ và giới chuyên môn, dành nhiều lời khen cho thay đổi này vì nó giúp giảm tình trạng quá nhiệt và kéo dài thời gian sử dụng hằng ngày. Khi kết hợp với khả năng sạc không dây nhanh hơn, bản nâng cấp này cho thấy nỗ lực của Apple trong việc giải quyết những phàn nàn tồn tại lâu nay của khách hàng.

Tính bảo mật cũng được nâng lên một tầm cao mới với hệ thống xác thực sinh trắc học kép, kết hợp nhận diện khuôn mặt và xác thực giọng nói. Apple mô tả đây là một lớp bảo vệ vững chắc hơn trước nguy cơ đánh cắp danh tính. Tuy nhiên, một số người dùng lo ngại rằng hệ thống này có thể khó thiết lập hoặc hoạt động không ổn định trong môi trường ồn ào. Dù còn những băn khoăn như vậy, doanh số ban đầu vẫn rất

khả quan tại hơn 40 quốc gia, đặc biệt là ở châu Á. Điều này cho thấy nỗ lực kết hợp giữa đổi mới, phát triển bền vững và an toàn của Apple đang nhận được sự đón nhận rộng rãi trên thị trường toàn cầu.

Question 28. Which of the following is **NOT** mentioned as an AI feature of the iPhone 17?

- A. photo organization **B. video streaming** C. instant translation D. predictive text

(Ý nào sau đây **KHÔNG** được đề cập là một tính năng trí tuệ nhân tạo của iPhone 17?)

- A. sắp xếp ảnh B. phát video trực tuyến
C. dịch thuật tức thì D. gợi ý văn bản dự đoán)

Giải thích:

- A, C, D - SAI: Được liệt kê trong bài là tính năng AI (photo organization, instant translation, predictive text).
- B. video streaming - ĐÚNG: Không được đề cập trong danh sách tính năng AI.

Question 29. The word “stresses” in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- A. adds B. compares C. shows **D. emphasizes**

(Từ “stresses” trong đoạn 2 có nghĩa gần nhất với từ nào sau đây?)

- A. thêm vào B. so sánh C. cho thấy D. nhấn mạnh)

Giải thích:

- A, B, C - SAI: Nghĩa không sát.
- D. emphasizes - ĐÚNG: “Stresses” trong ngữ cảnh này nghĩa là “nhấn mạnh”, đồng nghĩa với “emphasizes”.

Question 30. The word “doubts” in paragraph 4 is **OPPOSITE** in meaning to _____.

- A. hope **B. trust** C. fear D. concern

(Từ “doubts” trong đoạn 4 có nghĩa trái ngược với từ nào sau đây?)

- A. hy vọng B. tin tưởng C. nỗi sợ D. mối lo ngại)

Giải thích:

- A. hope - SAI: Không phải trái nghĩa trực tiếp.
- B. trust - ĐÚNG: “Doubts” là sự nghi ngờ/băn khoăn. Trái nghĩa là “trust” (sự tin tưởng).
- C. fear - SAI: Không liên quan về mặt đối lập nghĩa.
- D. concern - SAI: Gần nghĩa với doubt.

Question 31. The word “it” in paragraph 3 refers to _____.

- A. change** B. battery C. system D. phone

(Từ “it” trong đoạn 3 dùng để chỉ đối tượng nào?)

A. sự thay đổi

B. pin

C. hệ thống

D. điện thoại)

Giải thích:

- A. change - ĐÚNG: Câu văn: "...praise this change because it reduces...". "It" thay thế cho "this change" (sự thay đổi về hệ thống tản nhiệt).
- B, C, D - SAI: Không phải chủ ngữ trực tiếp gây ra hành động "reduces overheating" trong cấu trúc câu này.

Question 32. Which paragraph highlights the role of the cooling system in improving performance?

A. Paragraph 4

B. Paragraph 3

C. Paragraph 2

D.

Paragraph 1

(Đoạn văn nào nhấn mạnh vai trò của hệ thống tản nhiệt trong việc cải thiện hiệu suất?)

A. Đoạn 4

B. Đoạn 3

C. Đoạn 2

D. Đoạn 1)

Giải thích:

- A, C, D - SAI: Không chứa thông tin về tản nhiệt.
- B. Paragraph 3 - ĐÚNG: Đoạn 3 chứa câu "Thanks to a redesigned cooling system..."

Question 33. Which paragraph mentions possible challenges with the new security feature?

A. Paragraph 3

B. Paragraph 2

C. Paragraph 1

D.

Paragraph 4

(Đoạn văn nào đề cập đến những thách thức có thể xảy ra với tính năng bảo mật mới?)

A. Đoạn 3

B. Đoạn 2

C. Đoạn 1

D. Đoạn 4)

Giải thích:

- A, B, C - SAI: Không nói về thách thức bảo mật.
- D. Paragraph 4 - ĐÚNG: Đoạn 4 đề cập "Some users worry it may be difficult to set up..."

Question 34. Which of the following best paraphrases the sentence in paragraph 4:

"Apple describes this as a stronger barrier against identity theft."

A. Apple believes customers like the new protection tool.

B. Apple says it is a safer way to prevent stolen identities.

C. Apple claims this feature makes phones easier to unlock.

D. Apple thinks passwords are no longer necessary.

(Phương án nào sau đây diễn đạt lại đúng nhất câu trong đoạn 4:

"Apple describes this as a stronger barrier against identity theft."

- A. Apple cho rằng khách hàng yêu thích công cụ bảo vệ mới này.
- B. Apple nói rằng đây là một cách an toàn hơn để ngăn chặn việc đánh cắp danh tính.
- C. Apple khẳng định tính năng này giúp mở khóa điện thoại dễ dàng hơn.
- D. Apple cho rằng mật khẩu không còn cần thiết nữa.)

Giải thích:

- A, C, D - SAI: A (khách hàng thích - không có), C (dễ mở khóa - sai nghĩa), D (bỏ mật khẩu - sai sự thật).
- B. Apple says it is a safer way to prevent stolen identities - ĐÚNG: Paraphrase chuẩn: "Apple describes" = "Apple says"; "stronger barrier" = "safer way"; "against identity theft" = "prevent stolen identities".

Question 35. Which of the following is **TRUE** according to the passage?

- A. The iPhone 17 mainly processes its AI features on the device.**
- B. The iPhone 17 was originally launched only in Asian countries.
- C. The iPhone 17 completely removes the problem of overheating.
- D. The iPhone 17 has eliminated wireless charging from all versions.

(Theo bài đọc, nhận định nào sau đây là **ĐÚNG**?)

- A. iPhone 17 chủ yếu xử lý các tính năng AI ngay trên thiết bị.
- B. iPhone 17 ban đầu chỉ được ra mắt tại các quốc gia châu Á.
- C. iPhone 17 đã loại bỏ hoàn toàn tình trạng quá nhiệt.
- D. iPhone 17 đã loại bỏ sạc không dây trên tất cả các phiên bản.)

Giải thích:

- A. The iPhone 17 mainly processes its AI features on the device - ĐÚNG: Thông tin: "most processing is done on the phone itself".
- B - SAI: Bài nói "strong in more than 40 countries, particularly in Asia" (mạnh ở hơn 40 nước, đặc biệt châu Á) chứ không nói "only in Asian" (chỉ ở châu Á).
- C - SAI: Bài nói "reduces overheating" (giảm) chứ không phải "removes completely" (loại bỏ hoàn toàn).
- D - SAI: Bài nói "faster wireless charging" (sạc nhanh hơn) chứ không phải "eliminated" (loại bỏ).

Read the following passage and mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the option that best fits each of the numbered blanks from 36 to 40.

Directed by Dang Thai Huyen and adapted from a script by writer Chu Lai, (36) _____ The

battle became a major source of inspiration for the director and the writer. It was considered one of the most difficult and violent battles of the 20th century. This event clearly showed the great courage and sacrifice of Vietnamese soldiers. The movie also (37) _____, which proved the nation's strong will in diplomacy and its desire for independence and peace.

When the film was released, (38) _____. The film deeply moved people of different generations. For many old soldiers, it reminded them of painful but proud days when their comrades fought bravely and sacrificed their lives for the Fatherland. The movie also highlights the role of brave guerrillas, especially young women who rowed boats across the Thach Han River to deliver food, weapons, and soldiers to the battlefield. (39) _____.

(40) _____. It connects the past with the present and teaches today's young people to value freedom, to be grateful for peace, and to live responsibly for their homeland and the future generations.

*(Adapted from VNExpress, "50-hectare Film Set Recreates the Battle to Defend Quang Tri Citadel,"
September 2025.)*

Question 36.

- A. directors in Hanoi produced "Red Rain" to honor a naval battle in the East Sea during the 1970s.
- B. historians connected "Red Rain" with the August Revolution in 1945.
- C. Vietnamese soldiers created "Red Rain" to tell stories about the Dien Bien Phu victory in 1954.
- D. the film "Red Rain" was inspired by the 81-day battle to defend Quang Tri Citadel in 1972**

Giải thích:

- A, B, C - SAI: Chủ ngữ của mệnh đề chính phải tương ứng với mệnh đề rút gọn "Directed by...". "Directors", "Historians", "Soldiers" không thể được đạo diễn bởi Đặng Thái Huyền.
- **D. the film "Red Rain"...** - ĐÚNG: Chủ ngữ là "bộ phim" phù hợp với "Directed by..." (Được đạo diễn bởi...).

Question 37.

- A. which was an important diplomatic event
- B. recalled the Paris Conference on Vietnam**
- C. to show the desire for independence and peace
- D. remembering the sacrifices of the soldiers

Giải thích:

- A, C, D - SAI: Thiếu động từ chính (Main Verb) cho câu "The movie also...".
- **B. recalled the Paris Conference on Vietnam** - ĐÚNG: "Recalled" là động từ chính (Quá khứ đơn), phù hợp cấu trúc câu và ngữ nghĩa (Gọi nhắc lại hội nghị Paris).

Question 38.

- A. a powerful effect creation because it brought strong emotions to both veterans and young audiences.
- B. which it created a powerful effect because it brought strong emotions to both veterans and young audiences.
- C. it created a powerful effect because it brought strong emotions to both veterans and young audiences.**
- D. creating a powerful effect because it brought strong emotions to both veterans and young audiences.

Giải thích:

- A, B, D - SAI: Sai ngữ pháp. A (cụm danh từ vô nghĩa), B (thừa đại từ quan hệ), D (V-ing không làm vị ngữ chính được).
- C. it created a powerful effect... - ĐÚNG: Cấu trúc mệnh đề: "When..., S + V...". Cần một mệnh đề hoàn chỉnh (Subject + Verb). "It created" là chính xác.

Question 39.

- A. Their silent but important work became a symbol of courage and love for the country**
- B. Many viewers have been deeply moved by the way the film illustrates the hardships of workers
- C. Inspired by true historical stories, the teacher used realistic details to recreate the battlefield atmosphere
- D. The depiction of bravery and sacrifice in the film hasn't attracted both critics and audiences across the country

Giải thích:

- A. Their silent but important work became a symbol... - ĐÚNG: Câu trước nói về các nữ du kích chèo thuyền tiếp tế. Câu này dùng "Their work" để tổng kết và ca ngợi hành động đó, tạo tính liên kết chặt chẽ.
- B - SAI: Nhắc đến "hardships of workers" (công nhân) là lạc đề.
- C - SAI: "The teacher" (giáo viên) tự nhiên xuất hiện là không logic.
- D - SAI: "Hasn't attracted" (không thu hút) mâu thuẫn với nội dung ca ngợi của bài.

Question 40.

- A. More than just a movie, "Red Rain" is a vivid history lesson.**
- B. Rather than only a movie, "Red Rain" shows popular culture and entertainment.

C. Beyond the level of a movie, "Red Rain" is an example of romantic love stories.

D. Instead of being a movie, "Red Rain" explains modern technology and daily life.

Giải thích:

- **A. More than just a movie, "Red Rain" is a vivid history lesson - ĐÚNG:** Câu kết luận tổng quát ý nghĩa giáo dục của bộ phim, phù hợp với câu sau đó nói về việc "dạy thế hệ trẻ...".
- **B - SAI:** Nói về "popular culture" (văn hóa đại chúng) là sai trọng tâm giáo dục/ lịch sử.
- **C - SAI:** "Romantic love stories" (chuyện tình lãng mạn) là sai thể loại.
- **D - SAI:** "Modern technology" (công nghệ hiện đại) là sai chủ đề.

Dịch:

Do Đặng Thái Huyền đạo diễn và được chuyển thể từ kịch bản của nhà văn Chu Lai, bộ phim **"Mưa đỏ"** được lấy cảm hứng từ trận chiến kéo dài 81 ngày bảo vệ Thành cổ Quảng Trị năm 1972. Trận chiến này trở thành nguồn cảm hứng lớn đối với đạo diễn và biên kịch. Đây được xem là một trong những trận chiến khó khăn và ác liệt nhất của thế kỷ XX. Sự kiện này đã thể hiện rõ lòng dũng cảm và sự hy sinh to lớn của các chiến sĩ Việt Nam. Bộ phim cũng **gợi lại Hội nghị Paris về Việt Nam**, qua đó chứng minh ý chí mạnh mẽ của dân tộc trên mặt trận ngoại giao cũng như khát vọng độc lập và hòa bình.

Khi bộ phim được công chiếu, nó đã tạo nên một tác động mạnh mẽ vì mang lại những cảm xúc sâu sắc cho cả các cựu chiến binh lẫn khán giả trẻ. Bộ phim đã chạm đến trái tim của nhiều thế hệ. Với nhiều cựu chiến binh, tác phẩm gợi nhớ về những ngày tháng đau thương nhưng đầy tự hào, khi đồng đội của họ đã chiến đấu anh dũng và hy sinh vì Tổ quốc. Bộ phim cũng làm nổi bật vai trò của những du kích gan dạ, đặc biệt là các nữ thanh niên trẻ tuổi đã chèo thuyền vượt sông Thạch Hãn để vận chuyển lương thực, vũ khí và bộ đội ra chiến trường. **Những đóng góp thầm lặng nhưng vô cùng quan trọng của họ đã trở thành biểu tượng cho lòng dũng cảm và tình yêu Tổ quốc.**

Không chỉ đơn thuần là một bộ phim, **"Mưa đỏ"** còn là một bài học lịch sử sinh động. Tác phẩm kết nối quá khứ với hiện tại, đồng thời dạy cho thế hệ trẻ ngày nay biết trân trọng tự do, biết ơn hòa bình và sống có trách nhiệm với quê hương cũng như các thế hệ tương lai.

THE END